



# Tango Pro

## BVP564 LED530/757 310W EP SMB

Tango Pro, 53000 lm, 310 W, 757 ánh sáng trắng mát, 55°, tùy theo bộ điều khiển (1-10V, DALI...), Cấp an toàn I, Giá neo

Đèn pha LED Philips Tango Pro là thế hệ thứ năm của đèn pha LED Philips Tango. Tango Pro nâng hiệu quả lên một tầm cao mới, mang lại hiệu quả tốt nhất trong ngành trong một thiết kế nhỏ gọn nhưng thanh lịch. Bộ đèn có thể được áp dụng trong nhiều ứng dụng linh hoạt, từ chiếu sáng khu vực đến các cơ sở thể thao giải trí. Bộ điều khiển LED có vỏ nhỏ gọn và chắc chắn, đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn được công nhận trên toàn cầu. Bộ tản nhiệt được thiết kế đặc biệt vừa có tính thẩm mỹ lại vừa đảm bảo công năng ổn định tuyệt vời của đèn. Hình dáng bộ đèn dạng mô-đun được sắp xếp hợp lý mang lại thiết kế cân bằng về mặt hình ảnh. Đèn pha LED Philips Tango Pro được thiết kế để tạo ra môi trường sáng hơn và an toàn hơn. Được hỗ trợ bởi công nghệ LED mới nhất, Tango Pro mang lại hiệu suất vượt trội cả về phân bố ánh sáng và hiệu suất, từ 170 lm/W đến 200 lm/W. Tuổi thọ đèn dài sẽ hỗ trợ nỗ lực của bạn nhằm đạt được các mục tiêu bền vững.

### Cảnh báo và An toàn

- Đối với các ứng dụng ven biển, khuyến nghị sử dụng MSP có thời gian chiếu sáng là 2.000 giờ (hoặc cao hơn) (không chịu trách nhiệm đối với các thiệt hại do hao mòn)
- Không phù hợp với khu công nghiệp hóa chất
- Không thích hợp để lắp đặt trên các vật thể chuyển động

### Dữ liệu sản phẩm

| Thông tin chung                     |           |
|-------------------------------------|-----------|
| Bao gồm bộ điều khiển               | Có        |
| Thông tin kỹ thuật về đèn           |           |
| Quang thông                         | 53.000 lm |
| Nhiệt độ màu tương quan (Danh định) | 5700 K    |

|                                             |                        |
|---------------------------------------------|------------------------|
| Quang hiệu (định mức) (Danh định)           | 171 lm/W               |
| Chỉ số hoàn màu (CRI)                       | 70                     |
| Góc chiếu của nguồn sáng                    | 120 °                  |
| Màu sắc nguồn sáng                          | 757 ánh sáng trắng mát |
| Loại chóa quang học                         | Góc chiếu 55°          |
| Sự mở rộng chùm sáng của đèn dạng thanh đèn | 55°                    |

|                                        |                              |
|----------------------------------------|------------------------------|
| Khu vực được chiếu sáng hiệu quả       | 0,23 m²                      |
| <b>Vận hành và điện</b>                |                              |
| Điện áp đầu vào                        | 220-240 V                    |
| Tần số dòng                            | 50 or 60 Hz                  |
| Dòng khởi động                         | 156 A                        |
| Thời gian khởi động                    | 0,174 ms                     |
| Mức tiêu thụ điện                      | 310 W                        |
| Hệ số công suất (Tỷ lệ)                | 0.95                         |
| Kết nối                                | Dây đi ra                    |
| Cáp                                    | Cáp 1,0 m không có phích cắm |
| Số lượng sản phẩm trên MCB 16 A loại B | 4                            |
| Cấp bảo vệ IEC                         | Cấp an toàn I                |

Điều khiển và điều chỉnh độ sáng

|                           |                                         |
|---------------------------|-----------------------------------------|
| Có thể điều chỉnh độ sáng | 1-10 V                                  |
| Giao diện điều khiển      | tùy theo bộ điều khiển (1-10V, DALI...) |
| Độ mờ tối đa              | 10%                                     |

Cơ khí và vỏ đèn

|                               |                                           |
|-------------------------------|-------------------------------------------|
| Vật liệu vỏ đèn               | Nhôm đúc ADC1 - cấp độ nhôm (EN AC-47100) |
| Vật liệu chóa quang học       | Polycarbonate                             |
| Vật liệu chụp quang học       | Polycarbonate                             |
| Màu vỏ đèn                    | RAL7040                                   |
| Thiết bị lắp đặt              | Giá neo                                   |
| Lớp hoàn thiện chụp quang học | Trong suốt                                |
| Chiều dài tổng thể            | 508 mm                                    |

|                                |                                           |
|--------------------------------|-------------------------------------------|
| Chiều rộng tổng thể            | 555 mm                                    |
| Chiều cao tổng thể             | 77 mm                                     |
| Kích thước (Cao x Rộng x Sâu)  | 77 x 555 x 508 mm                         |
| Mã bảo vệ chống xâm nhập       | IP66 [Chống bụi xâm nhập, chống tia nước] |
| Mã bảo vệ khỏi tác động cơ học | IK08 [6 J]                                |
| Kiểu chụp quang học            | Polycarbonate                             |
| Trọng lượng tịnh (Bộ)          | 10,580 kg                                 |

Phê duyệt và ứng dụng

|                                 |                |
|---------------------------------|----------------|
| Ký hiệu tính dễ cháy            | -              |
| Dấu CE                          | Có             |
| Nhiệt độ môi trường hiệu quả Tq | 50 °C          |
| Nhiệt độ môi trường cho phép    | 0 °C đến 40 °C |

Hiệu suất ban đầu (Tuân thủ IEC)

|                            |             |
|----------------------------|-------------|
| Dung sai quang thông       | -10% / +10% |
| Dung sai mức tiêu thụ điện | +/-10%      |

Dữ liệu sản phẩm

|                                    |                               |
|------------------------------------|-------------------------------|
| Tên sản phẩm đặt hàng              | BVP564 LED530/757 310W EP SMB |
| Tên sản phẩm đầy đủ                | BVP564 LED530/757 310W EP SMB |
| Mã đơn hàng                        | 911401651209                  |
| Số vật liệu (12NC)                 | 911401651209                  |
| Phần tử - Số lượng trên một bộ     | 1                             |
| Phần tử - Số bộ trên một hộp ngoài | 1                             |

Bản vẽ kích thước



